

TỔNG CÔNG TY TM HÀ NỘI
CÔNG TY CP VANG THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /CPVTL-TC-KT

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014

(V/v: Giải trình số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính giai đoạn 1/1/2014 - 31/3/2014 do Công ty lập khác so với BCTC kiểm toán năm 2013)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long Công ty xin được giải trình sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC giai đoạn 1/1/2014 - 31/3/2014 chưa kiểm toán và BCTC năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	106,339,923,047	106,339,923,047	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20,053,022,753	20,053,022,753	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	86,286,900,294	86,286,900,294	-
4. Giá vốn hàng bán	11	66,235,417,352	66,659,093,981	423,676,629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	20,051,482,942	19,627,806,313	(423,676,629)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	294,751,270	509,041,341	214,290,071
7. Chi phí tài chính	22	8,830,103,109	8,717,915,086	(112,188,023)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8,830,103,109	8,717,915,086	(112,188,023)
8. Chi phí bán hàng	24	4,683,770,112	4,683,770,112	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6,933,633,967	7,070,365,171	136,731,204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(101,272,976)	(335,202,715)	(233,929,739)
11. Thu nhập khác	31	6,455,810,238	6,305,096,497	(150,713,741)
12. Chi phí khác	32	4,660,307,673	4,494,457,232	(165,850,441)
13. Lợi nhuận khác	40	1,795,502,565	1,810,639,265	15,136,700
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1,694,229,589	1,475,436,550	(218,793,039)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49,138,300	39,274,935	(9,863,365)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	1,645,091,289	1,436,161,615	(208,929,674)



1. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 423.676.629 đồng do:
 - Bổ sung phần giá vốn tính thiếu do Công ty tính giá xuất kho chưa chính xác: 126.337.153 đồng.
 - Bổ sung BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn từ 1/1/2014 đến 31/3/2014: 297.339.476 đồng.
2. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 423.676.629 đồng do Giá vốn hàng bán tăng 423.676.629 đồng.
3. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 214.290.071 đồng do:
 - Tăng: Hạch toán phần lợi nhuận Công ty con chuyển về Công ty mẹ: 326.480.357 đồng.
 - Giảm: Điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính do bù trừ lãi vay tính cho các đơn vị phụ thuộc là 112.188.023 đồng và điều chỉnh công nợ lẻ đã xử lý do kế toán hạch toán nhầm tài khoản: 2.263 đồng.
4. **Chi phí tài chính:** Giảm 112.188.023 đồng là khoản bù trừ lãi vay tính cho các đơn vị phụ thuộc.
5. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 136.731.204 đồng do:
 - Bổ sung BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 1/1/2014 - 31/3/2014 cho bộ phận quản lý: 127.431.204 đồng.
 - Ghi nhận chi phí tiền lương của Chi nhánh Ninh Thuận tháng 3/2014: 9.300.000 đồng.
6. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Giảm 233.929.739 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
7. **Thu nhập khác:** Giảm 150.713.741 đồng do:
 - Tăng: Điều chỉnh tăng thu nhập khác do BCTC Công ty lập chưa đúng số liệu: 15.759.000 đồng và điều chỉnh công nợ lẻ đã xử lý do hạch toán nhầm tài khoản: 2.263 đồng.
 - Giảm: Điều chỉnh giá trị còn lại của tài sản không thanh lý do hạch toán nhầm tài khoản: 166.475.004 đồng.
8. **Chi phí khác:** Giảm 165.850.441 đồng do:
 - Tăng: Điều chỉnh tiền phạt thuế do hạch toán nhầm tài khoản: 15.624.563 đồng và phần xử lý công nợ của Cửa hàng Đông Đô chưa khớp với số liệu văn phòng công ty: 10.000.000 đồng.
 - Giảm: Điều chỉnh giá trị còn lại của tài sản không thanh lý do hạch toán nhầm tài khoản: 166.475.004 đồng và điều chỉnh chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý thành lập công ty con và chuyển tư cách đầu tư dự án 343 Lạc Long Quân: 25.000.000 đồng.
9. **Lợi nhuận khác:** Tăng 15.136.700 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.

10. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 218.793.039 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
11. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 9.863.365 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.
12. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 208.929.674 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	120,057,658,925	114,156,840,887	(5,900,818,038)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29,980,956,469	22,684,092,978	(7,296,863,491)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	90,076,702,456	91,472,747,909	1,396,045,453
4. Giá vốn hàng bán	11	65,333,653,724	67,153,375,806	1,819,722,082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24,743,048,732	24,319,372,103	(423,676,629)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	311,555,370	199,365,084	(112,190,286)
7. Chi phí tài chính	22	8,830,103,109	8,717,915,086	(112,188,023)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	8,829,733,067	8,717,915,086	(111,817,981)
8. Chi phí bán hàng	24	8,667,844,709	8,669,330,893	1,486,184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7,220,987,846	7,357,719,050	136,731,204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	335,668,438	(226,227,842)	(561,896,280)
11. Thu nhập khác	31	6,455,810,238	6,305,096,497	(150,713,741)
12. Chi phí khác	32	4,660,455,760	4,494,605,319	(165,850,441)
13. Lợi nhuận khác	40	1,795,354,478	1,810,491,178	15,136,700
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2,131,022,916	1,584,263,336	(546,759,580)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	158,336,632	148,101,721	(10,234,911)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,972,686,284	1,436,161,615	(536,524,669)

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 5.900.818.038 đồng do:

- Tăng: Điều chỉnh phần chênh lệch phần doanh thu tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con: 1.425.000.000 đồng.

- Giảm: Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty mẹ cho Công ty con: 7.296.863.491 đồng và chênh lệch kê doanh thu tính trùng giữa Kiểm toán và Công ty: 28.954.547 đồng.

2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 7.296.863.491 đồng là số tiền chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại của Công ty mẹ cho Công ty con.
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 1.396.045.453 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
4. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 1.819.722.082 đồng do:
 - Tăng: Ngoài ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ (tăng 423.676.629 đồng), giá vốn hàng bán tăng còn do điều chỉnh phần chênh lệch phần giá vốn tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con: 1.425.000.000 đồng.
 - Giảm: Chênh lệch kê giá vốn tính trùng giữa Kiểm toán và Công ty: 28.954.547 đồng.
13. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 423.676.629 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
5. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 112.190.286 đồng do điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính do bù trừ lãi vay tính cho các đơn vị phụ thuộc là 112.188.023 đồng và điều chỉnh công nợ lẽ đã xử lý do kế toán hạch toán nhầm tài khoản: 2.263 đồng trên BCTC Công ty mẹ.
6. **Chi phí tài chính:** Giảm 112.188.023 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
7. **Chi phí bán hàng:** Tăng 1.486.184 đồng do điều chỉnh khoản chi phí thuế TNCN Công ty con đã hạch toán nhầm tài khoản và chưa trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh.
8. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 136.731.204 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
9. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Giảm 561.896.280 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
10. **Thu nhập khác:** Giảm 150.713.741 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
11. **Chi phí khác:** Giảm 165.850.441 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
12. **Lợi nhuận khác:** Tăng 15.136.700 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
13. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Giảm 546.759.580 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

14. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 10.234.911 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.

15. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Giảm 536.524.669 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Trên đây là toàn bộ giải trình về chênh lệch trên BCTC giai đoạn 1/1/2014 - 31/3/2014 chưa kiểm toán và BCTC năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.TC-HC, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà

11/04/14 14:24:15:3111

